TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 141/2018/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 09 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 139/2018/TLST- HNGĐ ngày 09.7.2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Ngô Thị Thúy N** - Sinh năm: 1991; Địa chỉ: Số 04 Trần Can tổ 90, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Ông **Lê Hữu Cao Đ** - Sinh năm: 1987; Địa chỉ: Số 48 đường Nguyễn Thiếp, tổ 67, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 139/2018/TLST- HNGĐ ngày 09.7.2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Ngô Thị Thúy N và ông Lê Hữu Cao Đ (Giấy chứng nhận kết hôn số 33, đăng ký ngày 04 tháng 5 năm 2017 tại UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Ngô Thị Thúy N và ông Lê Hữu Cao Đ.

- Về con chung: Bà Ngô Thị Thúy N và ông Lê Hữu Cao Đ xác định có 01 con chung tên: Lê Hữu Cao M, sinh ngày 01.6.2017. Ly hôn, bà N và ông Đ thống nhất giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Hữu Cao M cho đến khi con đủ 18 tuổi; ông Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Ngô Thị Thúy N và ông Lê Hữu Cao Đ đều xác định trong thời kỳ hôn nhân ông bà có tài sản chung là 01 xe mô tô hiệu Yamaha biển kiểm soát 43D1- 576.36 do Công an quận T, TP. Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận đăng ký ngày 16.12.2016 đứng tên bà Ngô Thị Thúy N. Ngoài ra, ông bà không có tài sản chung nào khác. Tài sản này ông bà đã tự thỏa thuận giải quyết xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

- Về nợ chung: bà Ngô Thị Thúy N và ông Lê Hữu Cao Đ xác định không có.

- Về án phí:

+ Án phí Hôn nhân gia đình 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) bà Ngô Thị Thúy N và ông Lê Hữu Cao Đ mỗi người phải chịu một nửa là 75.000 đồng, nhưng bà Ngô Thị Thúy N tự nguyện chịu 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng theo biên lai thu số tiền số 08833 ngày 09.7.2018. Hoàn trả lại cho bà Ngô Thị Thúy N 150.000 đồng.

+ Hoàn trả lại cho ông Lê Hữu Cao Đ 525.000đ tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung ông Đ đã nộp tại biên lai thu số 08835 ngày 10.7.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- *Các đương sự;*
- *VKSND quận S;*
- *Chi cục THADS quận S;*
- *UBND phường A, quận S, Thành phố Đà Nẵng.*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Võ Thị Phước Hòa